

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú về việc thành lập tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Đá Đỏ;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường của ông Mai Ngọc Long tại Công văn số 01/CV-ĐĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Đá Đỏ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 159/PTNMT-MT ngày 28 tháng 9 năm 2023 về việc cấp giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Đá Đỏ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Hộ kinh doanh Đá Đỏ, địa chỉ tại ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- Tên dự án: Hộ kinh doanh Đá Đỏ.
- Địa điểm hoạt động:
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52C8011915 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2023 do phòng Tài chính - Kế hoạch huyện An Phú cấp.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thu mua và sơ chế xoài.
- Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Cơ sở tổng diện tích 3.726 m², tứ cận như sau:

+ Phía Đông Bắc: Giáp với đất trồng cây lâu năm;

+ Phía Tây Bắc: Giáp với đất trồng cây lâu năm;

+ Phía Đông Nam: Giáp với Quốc lộ 91C;

+ Phía Tây Nam: Giáp với đất trồng cây lâu năm.

- Quy mô của dự án đầu tư: Dự án nhóm C với tổng vốn đầu tư của dự án là 200.000.000 (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng*), thuộc dự án nhóm C – Cơ sở công nghiệp với tổng vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng thuộc quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Công suất: 2,8 tấn sản phẩm/ngày (4,0 tấn nguyên liệu).

- Tổng diện tích sử dụng đất nhà xưởng là 3.726 m², phân chia thành các khu chức năng như sau:

TT	Hạng mục công trình	Kích thước	Diện tích	Đơn vị
I	Hạng mục công trình chính		3.164,12	m²
1	Kho ủ chín 01	37m x 10m	370	m ²
2	Kho ủ chín 02	57m x 15m	855	m ²
3	Khu vực chứa thành phẩm	20m x 10m	200	m ²
4	Khu vực ướp đường	21,37m x 10m	213,7	m ²
5	Khu vực ngâm đường	21,37m x 15m	320,55	m ²
6	Kho đường	2,5m x 6m	15	m ²
7	Khu vực tách vỏ, tách hạt 01	43,81 mx10m	438,1	m ²
8	Khu vực tách vỏ, tách hạt 02	43,81 mx15m	657,15	m ²
9	Kho palet và rô	6m x 15m	90	m ²
10	Bồn nước	2,1m x 2,2m	4,62	m ²
II	Hạng mục công trình BVMT		131,0	m²
11	Khu xử lý nước thải	7m x 2m	14	m ²
12	Khu vực lưu chứa rác thải sản xuất và sinh hoạt	25m x 4m	100	m ²
13	Nhà vệ sinh	6m x 2,5m	15	m ²
14	Kho CTNH	1m x 2m	2	m ²
III	Hạng mục công trình phụ trợ		430,88	m²
15	Đường đi nội bộ	-	382,88	m ²
16	Phòng giao dịch và nhà khách	6m x 8m	48	m ²
TỔNG			3.726	m²

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Đá Đỏ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương, nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến ngày 28 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ông Mai Ngọc Long;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Công TT điện tử huyện An Phú;
- Phòng TN và MT;
- UBND xã Khánh An;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 205/GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh: 4,16 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất: Lưu lượng phát sinh: 3,0 m³/ngày đêm.

2. Dòng xả nước thải: 01 dòng nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Ao chứa có dung tích 37 m³ phía sau dự án và được tái sử dụng để tưới cây (không xả ra môi trường).

2.2. Vị trí xả nước thải: Ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000): X=0538425; Y=1209456.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày đêm tương đương 0,42 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy sau khi xử lý.

2.3.2. Chế độ xả thải: Gián đoạn tại các thời điểm trong ngày.

2.3.2. Chất lượng nước thải: Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, Giá trị tối đa của các thông số trong nước thải khi xả thải ra môi trường theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Cụ thể các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn như bảng dưới đây:

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

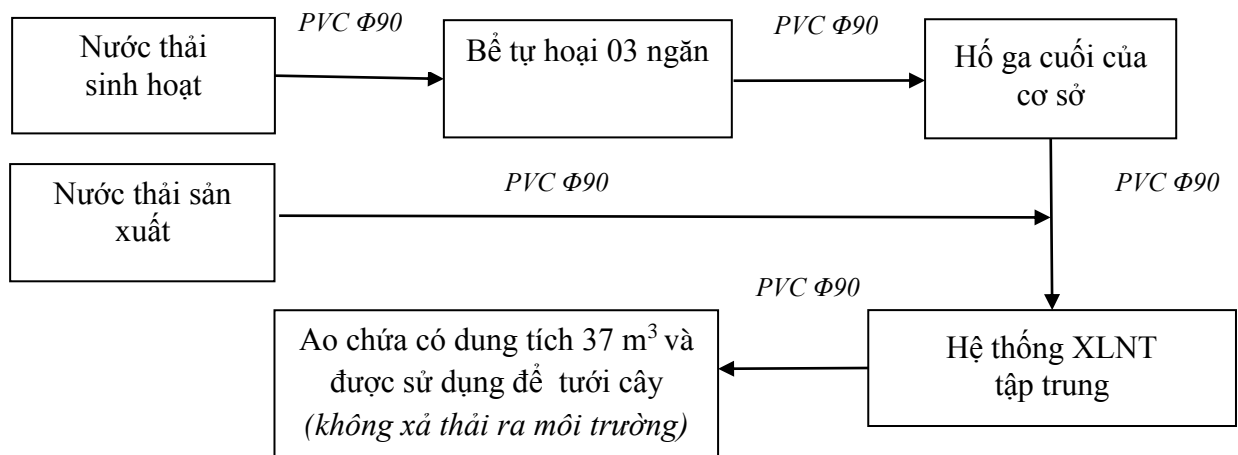
Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, (cột B)
1	pH	-	5,5 đến 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	50
4	COD	mg/L	150
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	6

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, (cột B)
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10
8	Coliform	MPN/100mL	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:



- Hệ thống thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt ống thu gom PVC Ø90 để thu gom nước thải từ nhà vệ sinh về bể tự hoại 9 m³ để xử lý sơ bộ, nước sau khi được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn sẽ thoát theo đường ống PVC Ø90 được dẫn vào hệ thống XLNT tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải sản xuất: Được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở (công suất 10 m³/ngày đêm) bằng mương hở, về bể thu gom, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống nhựa PVC Ø90 để xử lý.

- Thông số kỹ thuật công trình thu gom nước thải:

+ Ống nhựa thoát nước thải ra ao chứa: Ống PVC Ø90, chiều dài 4,5m.

+ Ống nhựa thoát nước ra ao chứa 37 m³ để tái sử dụng tưới cây: Ống PVC Ø90, chiều dài 7,5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý tại chỗ

+ Nước thải sinh hoạt, tại khu vực nhà vệ sinh được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý bằng đường ống PVC Ø90 có chiều 5,0 m. Nước thải khi được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn sẽ đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT, sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

lắng để tách các cặn bông có kích thước lớn, làm giảm tối đa nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải.

Nước thải sau đó được chuyển qua bể khử hữu cơ bằng khí Ozon, đây là chất oxy hóa mạnh có khả năng khử hầu hết các chất hữu cơ có trong nước thải. Sau đó, nước thải tự chảy sang bể trung gian để lưu chứa, tại đây nước thải được bơm (tự động) qua thiết bị lọc than hoạt tính, quá trình này sẽ loại bỏ toàn bộ các cặn (TSS) và khử mùi, một phần hữu cơ có trong nước thải. Nước thải qua thiết bị lọc áp lực được chuyển đến bể khử trùng (diệt khuẩn) bằng máy bơm định lượng hóa chất Clorine. Quá trình này phá vỡ màng tế bào và tiêu diệt các loài vi khuẩn có trong nước. Nước thải sau xử lý đạt cột (B) QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sẽ tự chảy vào ao chứa có dung tích 37 m³, tại ao chứa chủ dự án có thiết kế 02 ngăn chứa vật liệu lọc cát, đá, tro than,... nhằm nâng chất lượng nước thải sau xử lý, nước thải sau đó sử dụng để tưới cây (không xả thải ra môi trường).

Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải

TT	Tên công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Thể tích (m ³)
		Dài	Rộng	Cao		
1	Bể gom - điều hòa	-	-	-	4,1	6,56
-	Ngăn 1	1,5	1	1,6	1,5	2,4
-	Ngăn 2	2,6	1	1,6	2,6	4,16
2	Bể trộn – phản ứng	Đường kính 0,85 m		Cao 1,3m	-	0,7
3	Bể lắng	2,5	1	1,6	2,5	4,16
4	Bể khử hữu cơ	3,1	1	1,6	3,1	4,96
5	Bể trung gian	3,1	1	1,6	3,1	4,96
6	Bể khử trùng	2,6	1	1,6	2,6	4,16
7	Thiết bị lọc	Đường kính 0,5 m		Cao 1,8m	Công suất 3 m ³ /giờ	0,35
8	Máy ozon	-	-	-	Công suất 3 m ³ /giờ	-
9	Ao chứa	7,1	3,5	1,5m	22	37

- Hóa chất sử dụng và điện năng tiêu thụ:

+ Điện năng tiêu thụ: Điện năng tiêu thụ khoảng 150 kWh/tháng.

+ Hóa chất sử dụng: Clorin 2,0 kg/tháng.

- Quy chuẩn áp dụng: Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam hiện hành, QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Do hoạt động của cơ sở không xả thải ra môi trường nên không tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động của cơ sở đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi thải ra ao chứa để tái sử dụng tưới cây./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 205/GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết chất thải rắn, khu vực ủ đường và khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải: Ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ (theo hệ VN 2000): X=0538430; Y=1209459.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Mùi hôi phát thải trong khu vực sản xuất phát sinh vào môi trường không khí (không xác định được lưu lượng thải).

2.2.1. Phương thức xả nước thải: Liên tục 12 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với mùi hôi theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí như sau:

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	NH ₃	µg/m ³	200
2	H ₂ S	µg/m ³	42

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải (mùi hôi)

- Hệ thống xử lý nước thải được vận hành liên tục và bảo trì tốt không để phát sinh mùi hôi.

- Bê tông hóa hoàn toàn đường nội bộ trong khu vực dự án và có kế hoạch bảo trì hàng năm.

- Thực hiện phun nước rửa đường để giảm thiểu ô nhiễm bụi.

- Vệ sinh thường xuyên khuôn viên khu vực sản xuất.

- Rác thải sinh hoạt được thu gom vận chuyển xử lý trong ngày.

- Khu vực chứa rác tạm được vệ sinh sạch sẽ sau khi chuyển rác cho đơn vị thu gom rác.

- Rác thải sinh hoạt, rác thải sản xuất được thu gom vận chuyển xử lý trong ngày.

Trang bị bảo hộ cho nhân viên làm việc: găng tay, khẩu trang,... Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Do hoạt động của cơ sở không có nguồn thải tập trung ra môi trường nên không tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý khí thải (mùi hôi) từ hoạt động của cơ sở đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 205/GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Phương tiện giao thông ra vào dự án.
2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực lên xuống thu mua nguyên liệu và xuất bán sản phẩm. Tọa độ (theo hệ VN 2000): X=0538517; Y=1209377.
3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung như sau:

Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn xin cấp phép		
1	Tiếng ồn	dBA	Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Độ rung	dB	Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	75

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện thời gian hoạt động hợp lý: Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ trưa, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Không hoạt động vào các giờ cao điểm từ 11 giờ - 13 giờ và 18 giờ chiều đến 6 giờ sáng hôm sau.

- Yêu cầu công nhân làm việc tại dự án khi ra vào dự án phải giảm tốc độ cho phương tiện giao thông khi ra vào dự án. Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong khu vực (≤ 20 km).

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển hàng hóa vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép. Ngoài ra các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành trong thời gian nghỉ ngơi của người dân.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, phương tiện, đồng thời không sử dụng các loại xe, máy móc không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

- Nghiêm cấm mọi người tụ họp, gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. Đảm bảo tiếng ồn, độ rung phát sinh luôn đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 205/GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng phát sinh khoảng 23,4 kg/ngày. Thành phần bao gồm: rau quả, thực phẩm thừa, không đạt tiêu chuẩn, giấy vụn,...

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phát sinh thường xuyên:

- Vỏ xoài, hạt xoài thải, thùng catton, bao bì hư hỏng: Khối lượng phát sinh khoảng 1.203 kg/ngày.

- Bùn thải: Khối lượng phát sinh khoảng 52 kg/tháng.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khối lượng phát sinh khoảng 40,5 kg/tháng. Thành phần: Giẻ lau dính dầu mỡ, Bao bì cứng thải chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại; chất hấp thụ, vật liệu lọc thải (than hoạt tính đã qua sử dụng).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa rác, số lượng 4 thùng nhựa, loại 20 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Cuối ngày vận chuyển ra lề đường cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng quy định với tần suất 01 lần/ngày.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng nhựa loại 240 lít: 8 thùng, dùng chứa hạt xoài, vỏ xoài thải.

- Thùng nhựa 120 lít: 01 thùng, dùng chứa bao bì thải.

- Cần xé: 06 cái, loại 30 kg, dùng chứa vỏ xoài, hạt xoài.

- Bùn thải: Thu gom vào bao chứa và bón cây xanh xung quanh cơ sở.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Trang bị 07 thùng nhựa 240 lít bố trí phía trước cơ sở (khu vực tập kết rác thải) và 01 thùng 240 lít bố trí bên trong cơ sở.

- Trang bị 01 thùng nhựa 120 lít bố trí trong kho chứa thu gom bao bì catton.

- Trang bị cần xé tại khu vực gọt vỏ và tách hạt.
- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị 03 thùng nhựa loại 20 - 50 lít, có dán nhãn CTNH để lưu giữ chất thải.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Xây dựng khu chứa có diện tích: 2,0 m², có dán biển cảnh báo, gờ chắn chống tràn, chống thấm, đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa. Kết cấu kho lưu chứa nền bê tông, vách tole, mái tole.

4. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.

Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

Bổ trí đội cứu hộ ứng trực thường xuyên và nhắc nhở, giám sát công nhân phòng ngừa tai nạn có thể xảy ra./.